

NHỮNG CAM KẾT TRONG CÁC FTA THẾ HỆ MỚI VÀ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Ông Lương Hoàng Thái

Vụ trưởng Vụ Chính sách thương mại đa biên

Bộ Công Thương

Hiệp định thương mại tự do (FTA) đang được coi là trào lưu phát triển mạnh trong thời gian gần đây, đặc biệt trong bối cảnh Vòng đàm phán Đô-ha trong khuôn khổ WTO gần như không có tiến triển. Tính đến ngày 1 tháng 5 năm 2018, cả thế giới đã có 673 FTA được các nước thành viên thông báo lên WTO, trong đó có 459 FTA đang có hiệu lực¹⁰³. Trong bối cảnh chung của thế giới như vậy, trong những năm vừa qua, Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương, quyết sách phù hợp với xu thế chung để Việt Nam tích cực hội nhập kinh tế quốc tế trên tất cả các phương diện đa phương, khu vực và song phương.

Thực hiện chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã đạt được những kết quả vững chắc. Từ một nước đi sau, lần đầu tiên ta đã vươn lên thuộc nhóm nước đi đầu trong khu vực trong tiến trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Sau khi gia nhập ASEAN vào năm 1995 và tham gia vào Hiệp định Thương mại Tự do của ASEAN (AFTA), ta đã tiếp tục đàm phán, ký kết và thực hiện nhiều FTA đa phương, khu vực và song phương. Trong số đó, vào giai đoạn đầu của quá trình hội nhập, Việt Nam chủ yếu tham gia vào các FTA giữa khối ASEAN với các đối tác (bắt đầu là Trung Quốc vào năm 2004 và tiếp theo đó là Hàn Quốc, Nhật Bản, Ôt-xtrây-li-a, Niu Di-lân và Ấn Độ). Tuy nhiên, ở giai đoạn sau, ta đã có định hướng rõ ràng, chuyển sang chủ động đàm phán các FTA với các thị trường nhận thấy có lợi và có khả năng thực thi cao. Xu hướng này bắt đầu với FTA Việt Nam - Nhật Bản và tiếp theo đó là các hiệp định với Chi-lê, Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á – Âu và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Bên cạnh đó, FTA với EU cũng đã được kết thúc đàm phán và đang trong quá trình chuẩn bị cho ký kết.

¹⁰³ Nguồn WTO.

Cho đến nay, Việt Nam đã hoàn thành đàm phán 13 FTA và đang đàm phán 03 FTA khác (xem bảng tóm tắt). Theo định hướng được nêu tại Chiến lược tham gia FTA của Chính phủ, ta đã hoàn thành đàm phán để có được quan hệ FTA với tất cả các thị trường lớn và thuộc nhóm các nước đi đầu trong khu vực trong hội nhập kinh tế quốc tế. Nếu được phê duyệt và đưa vào thực thi đầy đủ, Việt Nam sẽ là một trong số rất ít nước trong khu vực có được quan hệ FTA cùng lúc với các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Nga và nhiều đối tác khác.

Bảng 1. Các FTA của Việt Nam

KHUÔN KHỔ	HIỆU LỰC
I. Các FTA đã ký kết	
1. ASEAN	1999
2. ASEAN - Trung Quốc	2005
3. ASEAN - Hàn Quốc	2007
4. ASEAN - Ôt-xtrây-li-a và Niu Di-lân	2009
5. ASEAN - Ấn Độ	2010
6. ASEAN - Nhật Bản	2008
7. Việt Nam – Nhật Bản	2009
8. Việt Nam – Chi Lê	2014
9. Việt Nam – Hàn Quốc	2016
10. Việt Nam – Liên minh Kinh tế Á-Âu	2016
II. Các FTA đã ký kết, đang chờ phê chuẩn hoặc chờ ký	
11. Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) ¹⁰⁴	Phê chuẩn trong tháng 11/2018
12. Việt Nam – EU ¹⁰⁵ (EVFTA)	
13. ASEAN - Hồng Kông (Trung Quốc) ¹⁰⁶	
III. Các FTA đang đàm phán	
14. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)	
15. Việt Nam - Khối EFTA (4 nước: Thụy sĩ, Na-uy, Ai-xơ-len và Lích-ten-stai)	
16. Việt Nam – Israel	

¹⁰⁴ Hiện đang trong quá trình phê chuẩn.

¹⁰⁵ Đang hoàn tất cả thủ tục trong nước để chuẩn bị ký kết và phê chuẩn.

¹⁰⁶ Đã ký kết, đang làm thủ tục phê chuẩn.

1. Cam kết trong các FTA thế hệ mới

Quá trình đàm phán và tham gia các FTA được đánh dấu bởi việc hoàn tất đàm phán hai hiệp định FTA “thế hệ mới” là Hiệp định EVFTA và CPTPP. Với tiêu chuẩn cao của hiệp định FTA toàn diện, hai Hiệp định này bao gồm nhiều nội dung mới, phi truyền thống so với các FTA trước đây.

Hiệp định CPTPP gồm 30 Chương và 9 Phụ lục điều chỉnh rất nhiều vấn đề từ thương mại truyền thống như mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn phổ biến trong các FTA; đến các vấn đề ít truyền thống hơn như mua sắm của các cơ quan Chính phủ, thương mại điện tử, doanh nghiệp nhà nước và mở rộng ra cả các vấn đề được coi là phi truyền thống trong đàm phán, ký các FTA như lao động, môi trường, chống tham nhũng trong thương mại và đầu tư. Về tổng thể, CPTPP vẫn được đánh giá là một FTA chất lượng cao và toàn diện với mức độ cam kết sâu nhất từ trước đến nay.

Hiệp định EVFTA gồm 17 Chương, 2 Nghị định thư và một số Biên bản ghi nhớ kèm theo với các nội dung chính quy định các hoạt động truyền thống mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, và cả các vấn đề mới bao gồm Thương mại và phát triển bền vững, Sở hữu trí tuệ, Mua sắm Chính phủ...

Đối với Việt Nam, việc quyết định tham gia, đàm phán và ký kết Hiệp định TPP trước đây và sau này là CPTPP và Hiệp định EVFTA đã trải qua một quá trình dài với sự chuẩn bị tích cực, chủ động. Kết quả đàm phán đạt được, về cơ bản, đã đảm bảo được các lợi ích cốt lõi của Việt Nam cũng như dành được nhiều bảo lưu, linh hoạt để tạo thuận lợi hơn cho quá trình thực thi Hiệp định.

Các cam kết tại hai FTA này dự kiến sẽ có những tác động tích cực đến hoạt động cải cách hành chính, luật pháp, kể cả thể chế của Việt Nam. Việc thực hiện các cam kết về hàng hóa, hải quan, thuận lợi hóa thương mại, dịch vụ, đầu tư đã và đang tạo nên sức ép, yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam phải điều chỉnh các quy định pháp luật có liên quan, đơn giản hóa thủ tục hành chính về cấp phép đầu tư, giấy phép kinh doanh, thủ tục hải quan, xuất nhập khẩu nhằm đảm bảo tính minh bạch hóa và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp. Việc tham gia các FTA này cũng sẽ tạo nên môi trường thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia, nền

kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm, thúc đẩy quá trình xây dựng và hoàn thiện kinh tế thị trường tại Việt Nam.

Các FTA trên dự kiến sẽ góp phần giúp hình thành các chuỗi sản xuất có sự liên kết chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau và cùng có lợi, từ đó thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa các nước trong khu vực, kích thích sản xuất và tăng khả năng thu hút đầu tư cả trong nước và nước ngoài. Những tác động này có ý nghĩa lớn đối với Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh ta đang chủ trương thu hút các công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường, cũng như nỗ lực trở thành trung tâm của khu vực về các hoạt động công nghệ, logistics và sản xuất.

2. Khai thác hiệu quả cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do

Quá trình tham gia các FTA đã cho thấy hội nhập kinh tế quốc tế thông qua việc tham gia các FTA là chiến lược hết sức đúng đắn, mở ra cơ hội mới cho phát triển kinh tế đất nước. Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện của các FTA là nội dung hết sức quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến thành công của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong giai đoạn đầu của quá trình hội nhập, các doanh nghiệp của chúng ta còn tương đối ngỡ ngàng nên khả năng tận dụng ưu đãi chưa cao. Khả năng tận dụng ưu đãi mặc dù đã được cải thiện đáng kể trong thời gian qua nhưng vẫn chưa cao (đặc biệt là với các thị trường láng giềng như ASEAN đạt 20,7% và Trung Quốc khoảng 27%). Việc tận dụng ưu đãi của doanh nghiệp có FDI dường như cũng tốt hơn so với các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là đối với sản xuất công nghiệp. Đồng thời, các doanh nghiệp lớn có xu hướng tận dụng cơ hội từ các FTA tốt hơn các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tuy nhiên, cùng với tiến trình phát triển của nền kinh tế, khả năng tận dụng ưu đãi của các FTA đã có bước cải thiện đáng kể, thể hiện rõ rệt nhất ở các FTA ta chủ động thúc đẩy đàm phán và thực thi. Với Nhật Bản, từ việc nhập siêu khoảng nửa tỉ USD năm 2009, sau khi FTA song phương và khu vực được đưa vào thực thi, ta đã chuyển sang xuất siêu. Quan trọng hơn, là sóng đầu tư trực tiếp từ Nhật Bản đã có xu hướng gia tăng đáng kể. Với Chile, kim ngạch xuất khẩu của ta tăng 2,5 lần sau 3 năm Hiệp định được đưa vào thực thi, từ nhập siêu khoảng 100 triệu USD ta đã chuyển sang xuất siêu trên 700 triệu USD. Tương tự, xuất siêu sang Liên minh kinh tế Á – Âu đã tăng từ 500 triệu USD lên 900 triệu USD trong năm đầu tiên Hiệp định được đưa vào thực thi. Với Hàn Quốc, mặc dù việc nhập siêu gia tăng nhưng tác

động thu hút đầu tư cũng rất tích cực. Đặc biệt, tỷ lệ tận dụng C/O ưu đãi để xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong các FTA do ta chủ động thúc đẩy đều ở mức rất cao, trong đó có những trường hợp đạt trên 60% với một số đối tác như Chi-lê và Hàn Quốc trong giai đoạn gần đây.

Hơn nữa, các FTA đã giúp ta tăng đáng kể năng lực cạnh tranh. Thông qua việc mở cửa, chấp nhận cạnh tranh với bên ngoài, nền kinh tế đã có những bước chuyển dịch tích cực, hỗ trợ cho tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng của đất nước. Kể cả với các Hiệp định với ASEAN và các đối tác như Trung Quốc, Ấn độ thì thời gian qua cũng đã có nhiều bước chuyển biến tích cực. Xuất khẩu sang các nước ASEAN và Trung Quốc đã có những bước cải thiện đáng kể trong thời gian qua (xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 11 lần kể từ năm 2005 đến năm 2017). Với Ấn độ, nhập siêu đã được giảm mạnh từ 1,2 tỉ vào năm 2009 xuống còn hơn 100 triệu USD năm 2017. Kể cả với nông nghiệp được coi là ngành yếu thế trong hội nhập kinh tế quốc tế thì tỉ lệ sử dụng ưu đãi, đặc biệt là của các doanh nghiệp Việt Nam, cũng đạt tỉ lệ rất cao, đặc biệt là khi xuất khẩu sang các thị trường như Trung Quốc, Hàn Quốc và ASEAN.

Trong giai đoạn tới đây, việc thực hiện các FTA thế hệ mới dự kiến có thuận lợi hơn trong quá trình thực thi do đây đều là các hiệp định do ta chủ động thúc đẩy đàm phán và các đối tác có cơ cấu kinh tế mang tính bổ sung đối với Việt Nam. Do vậy, ngoài các tác động như với các FTA trước đây, các FTA thế hệ mới còn có khả năng góp phần giúp chúng ta chuyển đổi lại cơ cấu kinh tế theo hướng hiệu quả hơn, đặc biệt là các khía cạnh sau:

+ Thứ nhất, việc thực hiện các FTA giúp chúng ta có điều kiện cơ cấu lại thị trường xuất nhập khẩu theo hướng cân bằng hơn. Cho đến nay, các FTA đã được đưa vào thực thi chưa có đóng góp nhiều cho việc cơ cấu lại thị trường xuất nhập khẩu. 70% nhập khẩu của chúng ta vẫn đến từ khu vực Đông Á và hơn 50% xuất khẩu là vào khu vực này. Nếu có tình huống bất lợi nào đó xảy ra trong khu vực thì xuất nhập khẩu lập tức sẽ bị ảnh hưởng. Trong khi đó, xuất khẩu lại là động lực chính của tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, các đang được chuẩn bị đưa vào thực thi thời gian tới (như CPTPP và FTA với EU) sẽ giúp chúng ta cân bằng lại thị trường xuất nhập khẩu của mình.

+ Thứ hai, với những tiêu chuẩn rất cao về quản trị minh bạch và hành xử vô tư, các FTA thế hệ mới như FTA với Liên minh Châu Âu, với các nước

CPTPP, sẽ giúp chúng ta kiện toàn hơn nữa bộ máy Nhà nước theo hướng đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường trách nhiệm, kỉ luật, kỉ cương. Việc này rất phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước hiện nay trong việc cải cách hành chính, cải thiện hoạt động, tăng cường hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm của công chức nhà nước.

+ Cuối cùng, các cam kết tại hai FTA này dự kiến sẽ có những tác động tích cực đến hoàn thiện hệ thống luật pháp. Việc thực hiện các cam kết về hàng hóa, hải quan, thuận lợi hóa thương mại, dịch vụ, đầu tư v.v... sẽ tạo điều kiện để chúng ta điều chỉnh các quy định pháp luật có liên quan, thúc đẩy quá trình xây dựng và hoàn thiện kinh tế thị trường tại Việt Nam.

Trong thời gian sắp tới, khi ta triển khai các FTA thế hệ mới, sẽ có không ít thách thức đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là việc nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường quốc tế trong bối cảnh thực thi những hiệp định FTA thế hệ mới. Trong số đó, một số nội dung quan trọng cần lưu ý là:

+ *Thứ nhất*, với các chuỗi giá trị mới được hình thành, cần có các biện pháp phát triển doanh nghiệp phù hợp để các doanh nghiệp có thể tham gia vào các chuỗi giá trị trong các khu vực FTA mà Việt Nam là thành viên nhằm tận dụng tối đa những cam kết do các hiệp định này mang lại. Các cơ quan quản lý nhà nước cần phối hợp chặt chẽ để hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp trong nước kết nối với các doanh nghiệp trong khu vực; cung cấp thông tin và dự báo thị trường; giảm thiểu thủ tục hành chính trong việc cấp giấy phép đầu tư, giấy phép kinh doanh, kể cả trong các lĩnh vực kinh doanh có điều kiện; đồng hành với doanh nghiệp một cách sát sao để giải quyết những vướng mắc, khó khăn của các doanh nghiệp một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Trong thời gian qua, đã bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu tích cực cho những nỗ lực này. Một số doanh nghiệp Việt Nam đã thành lập doanh nghiệp tại nước ngoài để phát triển hệ thống bán hàng của mình. Trong tiến trình đó, để đồng hành cùng doanh nghiệp, các Bộ, ngành cần có những biện pháp mang tính thiết thực để hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng tốt hơn cơ hội từ thị trường bên ngoài và ứng phó với các hàng rào kỹ thuật khi thuế quan được hạ thấp theo các cam kết trong các FTA, ví dụ như hỗ trợ đấu tranh trong các vụ kiện chống bán phá giá hay giúp vượt qua các hàng rào kỹ thuật.

+ *Thứ hai*, các doanh nghiệp cũng cần vươn lên để đáp ứng tốt hơn các yêu cầu nghiêm ngặt của các nước nhập khẩu trong khu vực FTA về các biện pháp kỹ thuật hay kiểm dịch cũng như các biện pháp quản lý nhập khẩu khác. Trong thời gian qua, Việt Nam đã bước đầu xuất khẩu thành công một số nông sản như thanh long, xoài, vải sang một số thị trường như Úc, Pháp, Nhật Bản, v.v... Đây là những thị trường khó tính, có yêu cầu cao về SPS, TBT. Cho dù những sản phẩm này có được quảng bá rộng rãi, có nhu cầu tại thị trường nhập khẩu, đáp ứng các tiêu chí về quy tắc xuất xứ, hải quan, xuất nhập khẩu, nhưng nếu không thỏa mãn các yêu cầu về SPS, TBT thì sẽ không thâm nhập được vào các thị trường nói trên và vô hình chung sẽ vô hiệu hóa các cam kết mà ta đã hết sức nỗ lực để đạt được trong quá trình đàm phán. Do vậy, các doanh nghiệp cần tập trung tìm hiểu các quy định về TBT, SPS và biện pháp quản lý nhập khẩu của các nước mà doanh nghiệp muốn xuất khẩu vào để tránh các rủi ro bị từ chối nhập khẩu. Các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công Thương sẽ cung cấp thông tin cụ thể và hỗ trợ các doanh nghiệp tìm hiểu những quy định này, qua đó giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp ở thị trường quốc tế, tận dụng tốt các FTA thế hệ mới.

+ *Thứ ba*, cơ quan quản lý và doanh nghiệp cần đồng hành để tăng cường hơn nữa các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư tại các thị trường mà ta đã triển khai thực thi FTA. Công tác xúc tiến cần mang tính tập trung, tránh dàn trải, chú trọng vào các lĩnh vực, ngành hàng ta có thế mạnh xuất khẩu hoặc có tiềm năng xuất khẩu sang những thị trường này. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ kỹ năng đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán ngoại thương, marketing, truy xuất thông tin về mặt hàng (giá, kim ngạch, điều kiện giao hàng), quản lý chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn quốc tế cũng cần được các Bộ, ngành liên quan phối hợp, hỗ trợ đào tạo cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ *Thứ tư*, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đẩy mạnh việc áp dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất, cải thiện chất lượng, mẫu mã, nâng cao tính an toàn cho sản phẩm. Việc áp dụng này giúp các sản phẩm nông sản của ta nâng cao sức cạnh tranh so với nông sản của các nước khác như Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, qua đó có thể thâm nhập tốt vào thị trường quốc tế.

+ *Thứ năm*, ngoài việc tuân thủ những quy định truyền thống như hải quan, quy tắc xuất xứ, TBT, SPS, các doanh nghiệp cần phải thi đầy đủ và tránh vi phạm những nghĩa vụ mới trong các FTA thế hệ mới như lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ, v.v... Những hành vi như không tuân thủ các yêu cầu về sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, đánh bắt nguồn lợi thủy sản quá mức, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ sẽ có thể dẫn tới việc doanh nghiệp sẽ bị một số nước ngừng cho hưởng ưu đãi thuế quan.

+ *Cuối cùng*, một công tác không thể thiếu và luôn cần thiết là việc các cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của các hiệp định này theo phương thức đơn giản, dễ hiểu để doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tự vận dụng được các quy định phức tạp này một cách chủ động, hiệu quả, chắc chắn. Việc mọi doanh nghiệp có thể hiểu rõ, hiểu đúng và vận dụng tốt các quy định phức tạp trong các hiệp định như CPTPP, EVFTA như lộ trình xóa bỏ thuế quan, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ, cộng gộp, hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), SPS, v.v... sẽ giúp nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, hạ chi phí sản xuất, xuất khẩu và đặc biệt là giúp doanh nghiệp của ta có nhiều lợi thế khi cạnh tranh với các doanh nghiệp của các nước chưa tham gia vào CPTPP hoặc chưa có FTA với EU./.